

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2023/DS-ST

Ngày 19-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 632/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2023/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Bích Th, sinh năm 1966 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1953 (có mặt)

Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1949 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp V, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2022, cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Lê Bích Th trình bày: Vào ngày 15/8/2022 âm lịch bà có cho bà Hồ Thị L vay số tiền 77.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 02%/ 01 tháng, thỏa thuận thời gian trả tiền là 30 ngày. Cùng ngày 15/8/2022 âm lịch bà tiếp tục cho bà Hồ Thị L vay 141.900.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 02%/01 tháng thỏa thuận thời gian trả nợ là 02 tháng kể từ ngày vay. Cả hai lần vay bà Hồ Thị L đều trực tiếp ký tên vào biên nhận tại phần người nhận tiền, có mặt

ông Lê Văn Nh chứng kiến nhưng không ký tên. Lý do viết 02 biên nhận trong cùng 01 ngày do thỏa thuận thời gian thanh toán nợ khác nhau. Như vậy, tổng 02 lần vay thì bà L nợ bà là 219.400.000 đồng, từ khi vay đến nay bà yêu cầu nhiều lần nhưng bà L không trả vốn và lãi cho bà. Bà L và ông Lê Văn Nh là vợ chồng, khi vay tiền ông Nh cũng biết và mục đích vay về sử dụng chung trong gia đình. Do đó, bà yêu cầu ông Lê Văn Nh và bà Hồ Thị L liên đới nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay là 219.400.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày giải quyết xong vụ án.

Bà Hồ Thị L trình bày: Vào năm 2018 bà có vay tiền của bà Lê Bích Th số tiền 64.000.000 đồng để cho con gái của bà tên Lê Thị Tuyết M nuôi tôm (bà Mai đã chết năm 2020), khi vay thì bà không cho ông Lê Văn Nh biết, thỏa thuận đóng lãi mỗi tháng 2.400.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả nợ và không làm biên nhận nợ. Bà có đóng lãi từ khi vay đến tháng 01 năm 2020 thì nghỉ đóng đến nay cũng không trả vốn cho bà Th. Khoảng tháng 10 năm 2022 âm lịch, bà Th đem giấy nợ qua cho bà ký, khi ký tên bà không có đọc và không xem lại nội dung do trời tối, bà nghĩ là bà Th viết biên nhận nợ 64.000.000 đồng trước đây bà vay nên ký tên, biên nhận này bà Th giữ và không nộp cho Tòa án. Sau khi bà xem 02 biên nhận nợ ngày 15/8/2022 âm lịch mà bà Th nộp cho Tòa án thì bà xác định chữ ký tại biên nhận nợ đối với số tiền 141.900.000 đồng là giống chữ viết và chữ ký của bà, biên nhận nợ ngày 15/8/2022 âm lịch số tiền vay 77.500.000 đồng không phải do bà viết và ký tên. Khi ký biên nhận nợ thì không có ông Nh chứng kiến. Do bà vay tiền ông Nh không biết và chỉ vay 64.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 64.000.000 đồng cho bà Th, không đồng ý trả lãi do bà đã đóng lãi quá nhiều cho bà Th.

Ông Lê Văn Nh trình bày: Việc bà Hồ Thị L vay tiền của bà Lê Bích Th vào năm 2018 thì bà L không cho ông biết. Đến khi ông nhận được thông báo triệu tập của Tòa án thì ông mới biết. Ông và bà L chung sống với nhau từ năm 1975 đến nay, không có đăng ký kết hôn và có 05 người con chung. Trong quan hệ vợ chồng thì làm ăn kinh tế riêng, chi xài riêng, ông và bà L không làm văn bản thỏa thuận phân chia tài sản riêng và nợ riêng. Mặc dù ông không biết việc vay mượn tiền giữa bà L với bà Th, nhưng nay do tình nghĩa vợ chồng nên ông đồng ý liên đới trách nhiệm cùng bà L trả 64.000.000 đồng cho bà Lê Bích Th, không đồng ý trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Bích Th khởi kiện ông Lê Văn Nh và bà Hồ Thị L yêu cầu trả số tiền cho vay còn nợ nên đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Văn Nh và bà Hồ Thị L cư trú tại ấp V, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà

Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Bà Lê Bích Th xác định vào ngày 15/8/2022 âm lịch có cho bà Hồ Thị L vay tổng số tiền 219.400.000 đồng, nay yêu cầu bà Hồ Thị L và ông Lê Văn Nh trả 219.400.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án. Bà Hồ Thị L xác định không có vay của bà Lê Bích Th tổng số tiền 219.400.000 đồng mà chỉ vay của bà Lê Bích Th 64.000.000 đồng nên bà Hồ Thị L và ông Lê Văn Nh chỉ đồng ý trả cho bà Lê Bích Th 64.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Xét thấy, bà Hồ Thị L cho rằng không có vay số tiền trên nhưng tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2023 của Tòa án bà L thừa nhận có ký biên nhận nợ đối với số tiền 141.900.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L cho rằng bà không ký cả hai biên nhận nợ nhưng không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà, cũng không có chứng cứ nào để chứng minh việc bà không nợ bà Lê Bích Th 219.400.000 đồng mà chỉ nợ 64.000.000 đồng. Từ đó cho thấy lời trình bày của bà Hồ Thị L là có mâu thuẫn và không thống nhất nên không có căn cứ. Bà Lê Bích Th cung cấp 02 biên nhận nợ có chữ ký và chữ viết tên của bà Hồ Thị L để chứng minh việc bà Hồ Thị L có vay tiền 02 lần là 219.400.000 đồng, lời trình bày của bà Lê Bích Th phù hợp với chứng cứ bà Th cung cấp nên có căn cứ chấp nhận.

Theo 02 biên nhận nợ ngày 15/8/2022 âm lịch, thỏa thuận lãi suất 02%/01 tháng, tuy nhiên bà Hồ Thị L không trả vốn và lãi theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Hồ Thị L phải trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15/8/2022 âm lịch đến ngày xét xử vụ án là có căn cứ chấp nhận. Tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”*.

Như vậy, mức lãi suất các đương sự thỏa thuận là 02%/01 tháng là đã vượt quá quy định 20%/năm nên cần điều chỉnh lại lãi suất theo quy định là 20%/năm (1,66%/tháng). Thời gian vi phạm nghĩa vụ đóng lãi là từ ngày vay là ngày 15/8/2022 âm lịch tức ngày 10/9/2022 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/7/2023 dương lịch là 10 tháng 09 ngày là: $(219.400.000 \times 1,66\% \times 10 \text{ tháng}) + (219.400.000 \times 0,055\% \times 09 \text{ ngày}) = 37.506.000$ đồng. Như vậy, tổng tiền vốn và tiền lãi là 256.906.000 đồng.

[3] Bà Hồ Thị L vay tiền trong thời kỳ hôn nhân với ông Lê Văn Nh, ông Nh cho rằng ông và bà L làm ăn kinh tế riêng, nên nợ là nợ riêng của bà L không liên quan đến ông nhưng ông Lê Văn Nh không có chứng cứ chứng minh việc làm ăn kinh tế riêng và phân chia nợ riêng giữa ông và bà Hồ Thị L. Từ đó, Hội đồng xét xử xét buộc ông Lê Văn Nh phải có trách nhiệm liên đới nghĩa vụ trả nợ cùng bà Hồ Thị L là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Bích Th không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Bà Hồ Thị L và ông Lê Văn Nh phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà Hồ Thị L và ông Lê Văn Nh là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bích Th. Buộc bà Hồ Thị L và ông Lê Văn Nh liên đới nghĩa vụ trả cho bà Lê Bích Th số tiền nợ vay gồm vốn và lãi là 256.906.000 đồng (hai trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Hồ Thị L và ông Lê Văn Nh là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí. Bà Lê Bích Th đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 5.485.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018447 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay hoàn trả lại toàn bộ cho bà Lê Bích Th là 5.485.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn